



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2306**/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày **20** tháng **8** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước; giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 102/2026/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục phát triển doanh nghiệp nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước; giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 702/QĐ-BTC ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc

ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục phát triển doanh nghiệp nhà nước, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước, Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Cục trưởng Cục Thuế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *luc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, DNNN (03 b). *lu*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Chức
Nguyễn Đức Chi

QUY CHẾ

Giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước; giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu

*(kèm theo Quyết định số 2306/QĐ-BTC ngày 20/08/2026
của Bộ Tài chính)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính trong việc giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước; giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu (sau đây gọi là Quy chế).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp có phần vốn nhà nước do Bộ Tài chính được giao làm đại diện chủ sở hữu.

2. Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên do Bộ Tài chính bổ nhiệm tại các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Tài chính làm cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu.

4. Đơn vị được giao chủ trì thực hiện giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước; giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu gồm: Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước, Vụ Các định chế tài chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước (sau đây gọi là đơn vị chủ trì).

5. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ tại Quy chế này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước; giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà

nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 3. Nguyên tắc giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước; giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu

1. Tuân thủ quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; bảo đảm tính khách quan, chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch.

2. Tăng cường phối hợp có hiệu quả giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ giám sát, kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong công tác giám sát, kiểm tra.

3. Không làm cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong công tác giám sát, kiểm tra.

4. Bảo đảm không trùng lặp về phạm vi, nội dung, đối tượng, thời gian giữa kiểm toán nhà nước, thanh tra với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giám sát, kiểm tra.

5. Đơn vị được phân công tham mưu, giúp Bộ thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp thì chủ trì, giúp Bộ thực hiện giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước; giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu.

Chương II GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Mục 1 GIÁM SÁT GIÁN TIẾP TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Giám sát gián tiếp trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước

1. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước chỉ đạo doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ lập, gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu các báo cáo theo quy định tại điểm b, c, e, g khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật số 68/2025/QH15) hằng quý trước ngày 20 của tháng đầu quý sau.

2. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước chỉ đạo doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ lập, gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại

doanh nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 54 Luật số 68/2025/QH15 trước ngày 30 tháng 4 hằng năm, báo cáo liên quan khác (nếu cần).

3. Căn cứ các quy định của Luật số 68/2025/QH15, Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ về về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 365/2025/NĐ-CP), Thông tư số 102/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 102/2026/TT-BTC), báo cáo tại khoản 1, 2 Điều này, báo cáo của Kiểm soát viên, báo cáo kết quả giám sát quý, năm và các báo cáo liên quan.

Đơn vị chủ trì thực hiện giám sát gián tiếp hằng quý, năm, lập báo cáo kết quả giám sát quý, năm theo quy định.

Kết quả giám sát quý, năm do đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm phê duyệt theo phân cấp. Đơn vị chủ trì chủ động gửi kiến nghị tới đơn vị được giám sát (nếu cần).

Mục 2

GIÁM SÁT TRỰC TIẾP, KIỂM TRA

Điều 5. Trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện giám sát trực tiếp, kiểm tra

Để thực hiện quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu trong việc giám sát, kiểm tra, trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện giám sát trực tiếp, kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP; cụ thể như sau:

1. Đối với giám sát trực tiếp

a) Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước tổng hợp kế hoạch giám sát trực tiếp của Vụ Các định chế tài chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước để trình Lãnh đạo Bộ Tài chính xin ý kiến của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước và các bộ, ngành liên quan, công bố trước ngày 31 tháng 01 của năm thực hiện.

b) Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước trình Lãnh đạo Bộ Tài chính ban hành quyết định giám sát.

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì ban hành quyết định thành lập Đoàn giám sát.

d) Trưởng Đoàn giám sát tổ chức, chỉ đạo giám sát và lập biên bản làm việc liên quan đến nội dung giám sát và việc thu thập, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát trong quá trình giám sát.

đ) Trưởng Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt hoặc chỉ đạo thẩm định kết quả giám sát (trường hợp cần thiết), chỉ đạo nội dung kết luận, kiến nghị.

e) Đơn vị chủ trì trình Lãnh đạo Bộ Tài chính văn bản kiến nghị gửi đối tượng được giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

g) Đoàn giám sát tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Đối với kiểm tra

a) Đơn vị chủ trì xin ý kiến Vụ Pháp chế, các đơn vị có liên quan (nếu có) để trình Lãnh đạo Bộ Tài chính ban hành kế hoạch kiểm tra và thông báo tới người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu chậm nhất là 15 ngày trước ngày thực hiện kiểm tra.

b) Đơn vị chủ trì trình Lãnh đạo Bộ Tài chính ban hành quyết định kiểm tra.

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì ban hành quyết định thành lập Đoàn kiểm tra.

d) Trưởng Đoàn kiểm tra tổ chức, chỉ đạo kiểm tra và lập biên bản đối với hành vi vi phạm (nếu có) trong quá trình kiểm tra hoặc biên bản xác nhận việc thu thập, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.

đ) Trưởng Đoàn kiểm tra lập báo cáo kết quả kiểm tra báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính.

e) Lãnh đạo Bộ Tài chính giao trưởng Đoàn kiểm tra xây dựng dự thảo kết luận kiểm tra và chỉ đạo thẩm định kết quả kiểm tra (trường hợp cần thiết), chỉ đạo nội dung kết luận, kiến nghị.

g) Đơn vị chủ trì trình Lãnh đạo Bộ Tài chính ban hành kết luận kiểm tra.

h) Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 6. Kế hoạch giám sát trực tiếp, kiểm tra

1. Kế hoạch giám sát trực tiếp

a) Đơn vị chủ trì xây dựng Kế hoạch giám sát theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP gửi xin ý kiến các đơn vị có liên quan trong Bộ Tài chính (nếu có).

b) Vụ Các định chế tài chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách và gửi kế hoạch giám sát về Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước trước ngày 15 tháng 12 của năm trước liền kề để tổng hợp chung, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính gửi xin ý kiến của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước và bộ, ngành liên quan trước ngày 31 tháng 12 của năm trước.

c) Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước chủ trì tổng hợp ý kiến của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước và bộ, ngành liên quan; gửi dự thảo lấy ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan trong Bộ trước khi báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch giám sát đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu trước ngày 20 tháng 01 và công bố trước ngày 31 tháng 01 hằng năm theo quy định.

2. Kế hoạch kiểm tra

Trên cơ sở chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp đơn vị chủ trì lấy ý kiến Vụ Pháp chế, các đơn vị liên quan trong Bộ Tài chính (nếu có) trình Lãnh đạo Bộ Tài chính ban hành kế hoạch kiểm tra và thông báo tới người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu chậm nhất là 15 ngày trước ngày thực hiện kiểm tra.

Điều 7. Thành lập và giải thể Đoàn giám sát, Đoàn kiểm tra

1. Đoàn giám sát trực tiếp, đoàn kiểm tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Thủ trưởng đơn vị chủ trì ban hành quyết định thành lập Đoàn giám sát trực tiếp, kiểm tra.

2. Đoàn giám sát trực tiếp, kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ giám sát trực tiếp, kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả giám sát trực tiếp, kiểm tra.

Điều 8. Thành phần Đoàn giám sát, kiểm tra

1. Trưởng Đoàn giám sát trực tiếp, kiểm tra;
2. Thành viên Đoàn giám sát trực tiếp, kiểm tra;
3. Các thành viên khác (nếu có).

Điều 9. Tiêu chuẩn Trưởng Đoàn giám sát, kiểm tra

1. Có đủ trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm công tác phù hợp với nhiệm vụ được giao;
2. Là Lãnh đạo giữ chức vụ từ Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng phụ trách trở lên.

Điều 10. Tiêu chuẩn Thành viên Đoàn giám sát, kiểm tra

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan;
2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kiểm toán, kế toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật hoặc chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động giám sát trực tiếp, kiểm tra;
3. Đã có thời gian làm việc liên tục từ 03 năm trở lên theo chuyên ngành được đào tạo hoặc có thời gian làm nghiệp vụ giám sát, kiểm tra từ 01 năm trở lên, không kể thời gian tập sự.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Đoàn giám sát, kiểm tra

1. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Đoàn giám sát trực tiếp thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Đoàn kiểm tra trực tiếp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên Đoàn giám sát, kiểm tra

1. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thành viên Đoàn giám sát trực tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thành viên Đoàn kiểm tra thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ thành viên Đoàn giám sát, kiểm tra

1. Thành viên Đoàn giám sát trực tiếp, kiểm tra bị tạm đình chỉ khi có dấu hiệu vi phạm các quy định tại điểm a, điểm c khoản 5 Điều 8 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền tạm đình chỉ: Thủ trưởng đơn vị chủ trì quyết định tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn giám sát, kiểm tra.

3. Ngay sau khi ra quyết định tạm đình chỉ, Trưởng Đoàn giám sát trực tiếp, kiểm tra phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì; Thủ trưởng đơn vị chủ trì phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tạm đình chỉ. Quyết định tạm đình chỉ phải bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do, nội dung, thời gian tạm đình chỉ, đối tượng có trách nhiệm thực hiện.

4. Thời hạn tạm đình chỉ không quá 15 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 15 ngày làm việc. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng; thanh tra; kiểm tra; thi hành án.

5. Khi xét thấy quyết định tạm đình chỉ không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm thì người ra quyết định tạm đình chỉ phải ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ.

6. Thủ tục tạm đình chỉ thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 14. Nội dung giám sát, kiểm tra

Nội dung giám sát, kiểm tra căn cứ theo kế hoạch, quyết định giám sát trực tiếp, kiểm tra đã được Bộ Tài chính ban hành.

Điều 15. Kết quả giám sát, kiểm tra

1. Đối với kết quả giám sát trực tiếp

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giám sát, trưởng đoàn giám sát lập báo cáo kết quả giám sát; xin ý kiến Vụ pháp chế và các đơn vị trong Bộ đối với nội dung, kiến nghị có liên quan.

Báo cáo kết quả giám sát gồm: Đánh giá tình hình; kết quả giám sát; kiến nghị hoặc đề xuất giải pháp nhằm chấn chỉnh, khắc phục hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, điều tra (nếu có).

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo kết quả giám sát, Lãnh đạo Bộ phụ trách phê duyệt kết quả giám sát và chỉ đạo nội dung kết luận, kiến nghị.

Trường hợp có chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ về việc thẩm định kết quả giám sát, đơn vị chủ trì đề xuất nhân sự tham gia tổ thẩm định để thực hiện thẩm định và trình báo cáo kết quả giám sát cùng báo cáo thẩm định đề Lãnh đạo Bộ phụ trách phê duyệt kết quả giám sát và chỉ đạo nội dung kết luận, kiến nghị.

Căn cứ báo cáo về kết quả giám sát, Bộ Tài chính có văn bản kiến nghị gửi đối tượng được giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Đối với kết quả kiểm tra

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm lập báo cáo kết quả kiểm tra báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách.

Báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm nội dung: Đánh giá tình hình; kết quả kiểm tra; kết luận về nội dung kiểm tra; kiến nghị biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật và các nội dung khác (nếu có); kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thanh tra, điều tra theo quy định (nếu có); giải pháp khắc phục (nếu có).

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra, Lãnh đạo Bộ phụ trách giao trưởng đoàn kiểm tra xây dựng dự thảo kết luận kiểm tra. Dự thảo kết luận kiểm tra bao gồm các nội dung sau: đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng được kiểm tra; kết luận về nội dung kiểm tra; kiến nghị biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật và các nội dung khác (nếu có); kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thanh tra, điều tra theo quy định (nếu có); giải pháp khắc phục (nếu có).

Trong quá trình xây dựng Dự thảo kết luận kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra có thể quyết định việc xin ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về một hoặc một số nội dung của dự thảo kết luận kiểm tra.

Trường hợp có chỉ đạo Lãnh đạo Bộ về việc thẩm định kết quả kiểm tra, đơn vị chủ trì đề xuất nhân sự tham gia Tổ thẩm định để thực hiện thẩm định và

trình Dự thảo kết luận kiểm tra cùng Báo cáo thẩm định để Lãnh đạo Bộ phụ trách phê duyệt và chỉ đạo nội dung kết luận, kiến nghị.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra và văn bản giải trình của đối tượng được kiểm tra (nếu có), Bộ Tài chính (cơ quan đại diện chủ sở hữu) ban hành kết luận kiểm tra bằng văn bản và gửi đối tượng được kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Mục 3

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐẶC BIỆT

Điều 16. Quyết định giám sát tài chính đặc biệt

1. Các đơn vị được phân công theo dõi, quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm đánh giá các dấu hiệu mất an toàn tài chính của doanh nghiệp được quy định tại Điều 20 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

2. Đơn vị chủ trì lấy ý kiến Cục Thuế, Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan báo cáo Bộ ban hành Quyết định giám sát tài chính đặc biệt đối với doanh nghiệp. Quyết định giám sát tài chính đặc biệt bao gồm các nội dung quy định tại Điều 21 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

3. Cơ quan được giao chủ trì giám sát tài chính đặc biệt thực hiện quy trình xử lý đối với doanh nghiệp được đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt

1. Lập phương án khắc phục, phương án cơ cấu lại tổ chức, hoạt động kinh doanh và tài chính trình cơ quan đại diện chủ sở hữu trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có Quyết định giám sát tài chính đặc biệt.

2. Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu theo tần suất đã thống nhất với cơ quan đại diện chủ sở hữu về các chỉ tiêu giám sát được phê duyệt trong phương án khắc phục, phương án cơ cấu lại tổ chức, hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp.

Chương III

GIAO CHỈ TIÊU, ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Mục 1

GIAO CHỈ TIÊU, ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẤM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 18. Chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp

1. Việc đánh giá, xếp loại doanh nghiệp căn cứ vào các chỉ tiêu quy định tại Điều 28 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP, gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Tổng doanh thu.

b) Chỉ tiêu 2: Lợi nhuận sau thuế.

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ suất lợi nhuận - tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)

d) Chỉ tiêu 4: Giá trị khối lượng thực hiện hoặc giá trị giải ngân đối với dự án đầu tư do doanh nghiệp là cơ quan chủ quản theo Luật Đầu tư công; khoản đầu tư, dự án đầu tư do cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt theo quy định.

đ) Chỉ tiêu 5: Thực hiện nhiệm vụ được giao - Việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng; thực hiện nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh do cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Khi đánh giá các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này được loại trừ ảnh hưởng của yếu tố tác động theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP và quy định tại các Nghị định đặc thù về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Điều 19. Quy trình giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại hằng năm

1. Căn cứ các chỉ tiêu định hướng của năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao; kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm kế hoạch được Hội đồng thành viên ban hành; báo cáo tài chính năm liền kề năm kế hoạch quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP, doanh nghiệp xây dựng chỉ tiêu cơ bản để đánh giá, xếp loại doanh nghiệp gửi lấy ý kiến của Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên trước ngày 05 tháng 3 hằng năm. Ban Kiểm soát/ Kiểm soát viên chịu trách nhiệm rà soát thông tin, tài liệu, kế hoạch sản xuất kinh doanh/các chỉ tiêu đánh giá của doanh nghiệp, có ý kiến đánh giá, báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu; đảm bảo chất lượng, thời hạn theo quy định và theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên.

2. Sau khi nhận được báo cáo của doanh nghiệp, ý kiến đánh giá của Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, đơn vị được Bộ giao thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước (Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước, Vụ Các định chế tài chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước) chủ trì xây dựng Báo cáo rà soát các chỉ tiêu để đánh giá, xếp loại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy chế này, gửi lấy ý kiến của Vụ Pháp chế và các cơ quan có liên quan (nếu cần), thời gian hoàn thành trước ngày 20 tháng 03 hằng năm.

Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm: Đề xuất của doanh nghiệp, ý kiến của Ban kiểm soát, dự thảo Phiếu trình Bộ giải quyết công việc (kèm theo Báo cáo rà soát các

chỉ tiêu để đánh giá doanh nghiệp - Mẫu số 01), dự thảo Quyết định giao chỉ tiêu cơ bản để đánh giá, xếp loại doanh nghiệp - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy chế này, báo cáo tài chính năm được kiểm toán, nếu chưa có báo cáo tài chính kiểm toán, đề nghị đơn vị gửi báo cáo tài chính tự lập và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Căn cứ ý kiến tham gia của các đơn vị, đơn vị chủ trì tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến các đơn vị để hoàn thiện Báo cáo rà soát và dự thảo Quyết định giao chỉ tiêu, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định trước ngày 31 tháng 03 hằng năm.

Điều 20. Báo cáo đánh giá, xếp loại doanh nghiệp nhà nước

1. Căn cứ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động quy định tại Điều 28 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP và các chỉ tiêu được Bộ Tài chính giao, doanh nghiệp tự đánh giá xếp loại doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp lập và gửi Báo cáo đánh giá và xếp loại hằng năm về Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm để đánh giá và công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

2. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm đánh giá, lấy ý kiến Cục Thuế, Vụ Pháp chế và đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính (nếu có) đối với từng doanh nghiệp để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trên cơ sở kết quả xếp loại của doanh nghiệp đã được công bố, Vụ Các định chế tài chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước tổng hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý gửi về Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước trước ngày 31 tháng 8 hằng năm để tổng hợp chung, báo cáo Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trước ngày 30 tháng 9 hằng năm theo quy định.

Mục 2

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẤM GIỮ TRÊN 50% ĐẾN DƯỚI 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 21. Các chỉ tiêu, căn cứ đánh giá

1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên thông qua, quyết định theo quy định; Kết quả thực hiện kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên thông qua.

2. Việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng; việc thực hiện nhiệm vụ chính trị do cơ quan có thẩm quyền giao, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Hiệu quả hoạt động tổng thể của doanh nghiệp, có loại trừ tác động do thực hiện nhiệm vụ chính trị do cơ quan có thẩm quyền giao; nhiệm vụ quốc

phòng, an ninh; nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận; việc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới và tác động của yếu tố khách quan.

4. Kết quả giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 22. Tổ chức đánh giá

1. Định kỳ hằng năm, Người đại diện phần vốn nhà nước do Bộ Tài chính cử, giới thiệu, thuê lập báo cáo đánh giá nội dung theo quy định của năm trước, báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

2. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm đánh giá, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

Mục 3

ĐÁNH GIÁ NGƯỜI ĐẠI DIỆN, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 23. Đánh giá người đại diện, Kiểm soát viên

1. Căn cứ, trình tự, thủ tục và kết quả đánh giá đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước, Kiểm soát viên Bộ Tài chính bổ nhiệm tại các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Tài chính làm cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện theo quy định tại các Điều 36, Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

2. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tự nhận xét, đánh giá, tự nhận mức độ đánh giá, lập và gửi đơn vị chủ trì.

Đơn vị chủ trì thực hiện đánh giá người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi phụ trách; lấy ý kiến Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Pháp chế và đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính (nếu có) để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ Tài chính xem xét, quyết định kết quả đánh giá người đại diện, Kiểm soát viên.

Chương IV

CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Điều 24. Công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp thực hiện công khai thông tin tài chính theo nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

Điều 25. Công khai thông tin của Bộ Tài chính (cơ quan đại diện chủ sở hữu)

Đơn vị chủ trì phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện công khai thông tin theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại

1. Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại và công bố thông tin tài chính đối với các doanh nghiệp được giao quản lý.

b) Làm đầu mối thực hiện tổng hợp, báo cáo chung về giám sát, kiểm tra đối với các doanh nghiệp do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu, báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

c) Làm đầu mối thực hiện tổng hợp chung về kết quả xếp loại doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu, báo cáo Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trước ngày 30 tháng 9 hằng năm theo quy định.

2. Vụ Các định chế tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại và công bố thông tin đối với các doanh nghiệp được giao quản lý theo quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan.

b) Gửi báo cáo kết quả giám sát năm trước về Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước trước ngày 30 tháng 6 hằng năm để tổng hợp chung vào báo cáo giám sát, kiểm tra hằng năm của Bộ Tài chính.

c) Trên cơ sở kết quả xếp loại của doanh nghiệp đã được công bố, Vụ Các định chế tài chính tổng hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý gửi về Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước trước ngày 31 tháng 8 hằng năm để tổng hợp chung.

3. Ủy ban chứng khoán nhà nước

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại và công bố thông tin đối với các doanh nghiệp được giao quản lý theo quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan.

b) Gửi báo cáo kết quả giám sát năm trước về Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước trước ngày 30 tháng 6 hằng năm để tổng hợp chung vào báo cáo giám sát, kiểm tra hằng năm của Bộ Tài chính.

c) Trên cơ sở kết quả xếp loại của doanh nghiệp đã được công bố, Ủy ban chứng khoán nhà nước tổng hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp thuộc phạm vi

quản lý gửi về Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước trước ngày 31 tháng 8 hằng năm để tổng hợp chung.

Điều 27. Trách nhiệm của Cục Thuế

Phối hợp với đơn vị chủ trì tham gia ý kiến về giám sát tài chính đặc biệt, giao chỉ tiêu, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.

Điều 28. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

Phối hợp với đơn vị chủ trì tham gia ý kiến về kế hoạch giám sát trực tiếp, kiểm tra, giám sát tài chính đặc biệt, giao chỉ tiêu, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.

Điều 29. Trách nhiệm của Vụ Tổ chức cán bộ

Phối hợp với đơn vị chủ trì tham gia ý kiến về đánh giá đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 30. Trách nhiệm của Cục Đầu tư nước ngoài, Vụ Phát triển hạ tầng

Phối hợp với đơn vị chủ trì tham gia ý kiến về kế hoạch giám sát trực tiếp, kiểm tra đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 31. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Thực hiện đăng tải thông tin công bố của chủ sở hữu theo đề nghị của đơn vị chủ trì.

Điều 32. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Tài chính

1. Thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ, chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này, thường xuyên giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, việc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đôn đốc doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo quy định tại Quy chế này.

Điều 33. Trách nhiệm của Kiểm soát viên tại doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính bổ nhiệm

1. Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên do Bộ Tài chính ban hành và các quy định có liên quan.

2. Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo của doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này. Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính để cảnh báo doanh nghiệp trong trường hợp phát sinh những vấn đề rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 34. Trách nhiệm của Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu

1. Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính trong trường hợp phát hiện doanh nghiệp có các vấn đề gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính, quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

Việc đánh giá, xếp loại doanh nghiệp; đánh giá người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước, Kiểm soát viên của năm tài chính từ năm 2025 trở về trước được thực hiện theo quy định của Luật số 69/2014/QH13; Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật số 69/2014/QH13 khác có liên quan./.

Tên đơn vị chủ trì:....

Mẫu số 01

BÁO CÁO RÀ SOÁT
Về giao chỉ tiêu để đánh giá doanh nghiệp.... năm ...

I. CÁC QUY ĐỊNH VỀ GIAO CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

1. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

2. Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

3. Thông tư số 102/2026/TT-BTC ngày 17/7/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

4. Hồ sơ, tài liệu liên quan của doanh nghiệp gửi kèm công văn số ngày và ý kiến của Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên tại công văn số ngày

II. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thông tin về doanh nghiệp

2. Căn cứ giao chỉ tiêu để đánh giá doanh nghiệp: *Chỉ tiêu phát triển kinh tế vĩ mô hằng năm, chiến lược và chỉ tiêu phát triển ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, chiến lược phát triển của doanh nghiệp; Kết quả sản xuất, kinh doanh của năm trước liền kề năm giao chỉ tiêu và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh tính đến thời điểm giao chỉ tiêu; Các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao trong năm giao chỉ tiêu ...;*

3. Mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch

4. Các chỉ tiêu

a) Chỉ tiêu 1: Tổng doanh thu

b) Chỉ tiêu 2: Lợi nhuận sau thuế

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)

d) Chỉ tiêu 4: Giá trị khối lượng thực hiện hoặc giá trị giải ngân đối với dự án đầu tư do doanh nghiệp là cơ quan chủ quản theo Luật Đầu tư công; khoản đầu tư, dự án đầu tư do cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt theo quy định

đ) Chỉ tiêu 5: Thực hiện nhiệm vụ được giao.

Việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng; thực hiện nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh do cơ quan có thẩm quyền giao.

e) Chỉ tiêu khác (*nếu cần*).

5. Các nội dung khác có liên quan.

III. Ý KIẾN RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA CỤC DNNN

Đơn vị chủ trì rà soát có ý kiến thống nhất/không thống nhất đề xuất của doanh nghiệp, nêu rõ lý do./.

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giao chỉ tiêu để đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.... năm ...****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 102/2026/TT-BTC ngày 17/7/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Theo đề nghị của doanh nghiệp... tại công văn số ngày.....; ý kiến của Kiểm soát viên tại ... tại công văn số ngày.....

Theo đề nghị;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu để đánh giá, xếp loại Công ty mẹ - ... năm gồm các nội dung sau đây:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm	Ghi chú
1	Tổng doanh thu			
2	Lợi nhuận sau thuế			

3	Tỷ suất lợi nhuận			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%		(*)
3.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%		
4	Giá trị khối lượng thực hiện, giá trị giải ngân đối với các dự án đầu tư, khoản đầu tư			
4.1	Tổng giá trị khối lượng thực hiện trong năm của các dự án đầu tư, khoản đầu tư	Đơn vị tính giá trị khối lượng thực hiện theo đặc thù của dự án đầu tư, khoản đầu tư		(**)
4.2	Tổng giá trị giải ngân trong năm của các dự án đầu tư, khoản đầu tư			
5	Thực hiện nhiệm vụ được giao			
5.1	Nội dung nhiệm vụ 1			(***)
5.2	Nội dung nhiệm vụ 2			
...	...			

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc
2. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát
3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục.../ Vụ..., Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ PC; CT; ...
- Cục CNTT (để công bố thông tin);
- Lưu: VT, Cục.../Vụ...

BỘ TRƯỞNG

Ghi chú:

- (*) Giao 01 trong 02 chỉ tiêu theo nguyên tắc trường hợp ROE không khả dụng thì giao chỉ tiêu ROA.

- (**) Giá trị khối lượng thực hiện hoặc giá trị giải ngân đối với các dự án đầu tư, khoản đầu tư, bao gồm: (i) Dự án đầu tư do doanh nghiệp là cơ quan chủ quản theo luật đầu tư công; (ii) khoản đầu tư, dự án đầu tư do cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt về mục đích, mức vốn đầu tư, nguồn vốn, thời gian thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15; (iii) khoản đầu tư, dự án đầu tư đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và quy định của Luật số 69/2014/QH13 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Kèm theo Phụ lục danh mục dự án đầu tư, khoản đầu tư nêu trên.

- (***) Việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng; thực hiện nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh do cơ quan có thẩm quyền giao.